TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HS-ST
Ngày 25-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁNNHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim.

Bà Nguyễn Thị Lại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2025/HS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HS ngày 11/02/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tạ Văn Đ**, sinh năm 2000 tại Bắc Giang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn Ả, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Văn T, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Tống Thị L, sinh năm 1968; có vợ là: Nguyễn Thị Hồng N (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: không. Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/11/2024 đến ngày 29/11/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại bị Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 23/01/2025 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Tống Thị L, sinh năm 1968 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Ả, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22/11/2024, Tạ Văn Đ, sinh năm 2000, trú tại thôn Ả, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang ngồi chơi tại quán điện tử "Syber Xanh" ở thôn H, xã V, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Đ vào mạng xã hội Facebook trong nhóm "Tìm việc Bắc Ninh", thấy tài khoản Facebook mang tên "Vliu Hoàng" của anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn, đăng bài có nội dung muốn tìm việc làm tại Công ty, ai biết thì giới thiệu. Lúc này, Đ nảy sinh ý định nói dối có việc làm giới thiệu cho anh L1 để anh L1 đến gặp Đ từ đó xem anh L1 có tài sản gì thì tìm cách chiếm đoạt. Sau đó, Đ dùng tài khoản Facebook mang tên "Nguyễn Văn H" của Đ trả lời bình luận vào bài đăng "Có việc làm tại quán K, lương tháng 7.000.000 đồng". Anh L1 gửi số điện thoại cho Đ để kết bạn qua Zalo. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus của Đ đăng nhập vào tài khoản Zalo của Đ có tên "Hiệp Babe" kết bạn với tài khoản Zalo "Hliu Tít" của anh L1. Đ gửi vị trí của Đ cho anh L1, bảo đến đón đi giới thiệu việc làm. Quá trình nói chuyện với anh L1 qua Z, Đ dùng tài khoản tên "Hiệp Babe" nên anh L1 nghĩ đang nói chuyện với người tên H. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, anh L1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ đen, biển số 97AL-008.21 (viết tắt là xe mô tô biển số 97AL-008.21) đến vị trí Đ gửi hẹn gặp mặt tại khu vực cụm C, thị xã V, tỉnh Bắc Giang rồi nhắn tin thông báo cho Đ biết anh L1 đã đến nơi hẹn. Lúc này, Đ nhắn tin Z lại cho anh L1 nói dối đang bận và bảo sẽ có một người em ra đón anh L1 trước và nhờ anh L1 đi cùng người em đó đi đón một người khác, trên thực tế chỉ có một mình Đ. Sau đó, anh Đ đi đến gặp anh L1, khi gặp nhau, Đ không nói cho anh L1 biết người hẹn gặp anh L1 là Đ mà nói dối là người có tài khoản Z "Hiệp Babe" bảo đến. Anh L1 điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi sau, lúc này Đ giả vờ nghe điện thoại rồi nói dối anh L1 là người cần đón đang bận nên cả hai đi ra quán nước ngồi chờ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh L1 chở Đ đến quán nước vỉa hè ở đường H, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang ngồi uống nước được 20 phút, thì Đ quyết định chiếm đoạt xe mô tô biển số 97AL-008.21 của anh L1. Tại đây, Đ tiếp tục dùng Zalo "Hiệp Babe" nhắn tin tới Zalo "Hliu Tít" của anh L1, nói dối là nhờ anh L1 bảo thằng em đi cùng anh L1 đi đón người khác về. Anh L1 tưởng tin nhắn là thật nên nói lại cho Đ biết. Lúc này, Đ bảo anh L1 cho mượn xe mô tô để đi đón người khác như yêu cầu tin nhắn anh L1 đã nhận được. Tin lời Đ nói là thật, anh L1 đưa xe mô tô biển số 97AL-008.21 cho Đ mượn. Đ điều khiển xe mô tô của anh L1 mang về nhà Đ cất giấu, khi cần sẽ mang bán lấy tiền chi tiêu. Sau đó, Đ xoá tài khoản Facebook "Nguyễn Văn H", xoá tin nhắn Zalo giữa Đ và anh L1, xóa phần mềm Zalo "Hiệp Babe" khỏi điện thoại di động Iphone 6s Plus, không liên lạc với anh L1 nữa.

Sau khi cho mượn xe mô tô, không thấy Đ mang xe trả và chặn thông tin liên lạc nên ngày 23/11/2024, anh L1 trình báo sự việc nêu trên đến Công an phường B. Ngày 24/11/2024, biết hành vi phạm tội đã bị phát hiện, Tạ Văn Đ đã đến Công an phường B đầu thú và tự nguyện giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision,

màu đỏ đen, biển số 97AL-008.21; 01 căn cước công dân mang tên Tạ Văn Đ; 01 điện thoại Iphone 6s Plus, màu vàng gold; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu hồng. Sau đó, Công an phường B đã chuyển L cùng vật chứng và tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã V để điều tra theo thẩm quyền. (Bút lục: 25; 40-42).

Ngày 23/11/2024, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Vivo Y11, màu xanh ngọc của anh Hoàng Văn L1 dùng để liên lạc với Đ. Kết quả thu giữ được tại ứng dụng Zalo đăng nhập tài khoản tên "Hliu Tít" trong danh sách bạn bè Zalo có tài khoản tên "Hiệp Babe", mục tin nhắn có tin nhắn với tài khoản "Hiệp Babe". Tại ứng dụng Facebook đăng nhập tài khoản "Vliu Hoàng", trong trang "Việc làm Bắc Ninh" có bài anh L1 đăng nội dung tìm việc làm và tin nhắn với tài khoản Facebook "Nguyễn Văn H" của Đ có nội dung như nêu trên. Cơ quan điều tra cho Đ xác định nội dung tin nhắn Facebook, tin nhắn Zalo thu giữ khi kiểm tra điện thoại di động của anh L1, kết quả Đ khẳng định những nội dung tin nhắn là của Đ nhắn cho anh L1.

Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Hoàng Văn L1 nhận dạng người qua anh, trong đó có bản ảnh của Đ; kết quả anh L1 nhận dạng ra Tạ Văn Đ là người chiếm đoạt xe mô tô biển số 97AL-008.21 của anh L1 vào ngày 22/11/2024.

Ngày 26/11/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã V đã định giá và kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ đen, biển số 97AL-008.21, của anh L1 tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá: 32.000.000 đồng

Về vật chứng: Kết quả điều tra, xác định xe mô tô biển số 97AL-008.21 là tài sản của anh Hoàng Văn L1; điện thoại di động, căn cước công dân thu giữ là tài sản, giấy tờ của Đ, trong đó chỉ điện thoại Iphone 6s Plus dùng phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh L1, các tài sản, giấy tờ còn lại nhập kho vật chứng để xử lý theo pháp luật.

Trách nhiệm dân sự: hiện tại anh L1 không yêu cầu bị can bồi thường dân sự.

Tại cơ quan điều tra, Tạ Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Tạ Văn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên toà, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo Tạ Văn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

* Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

** Về vật chứng:* Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu nộp ngân sách nhà nước*: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Splus màu vàng gold số imei 355733074278489 trong lắp sim số 0913.800.376

- *Trả lại bị cáo Tạ Văn Đ:*

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax màu hồng imei 357263099110606 trong lắp sim số 0792.982.096 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

** Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Tạ Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có tranh luận gì

Bà L không có tranh luận gì

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại anh Hoàng Văn L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, anh L1 đã có lời khai đầy đủ và được lưu trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh L1 theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có vi phạm gì. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, các đương sự không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên toà bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của của bị hại, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Sáng ngày 22/11/2024, biết anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1999, trú tại thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đang tìm việc làm; Tạ Văn Đ nói dối giới thiệu việc làm cho anh L1 để gặp mặt, mục đích tìm cách chiếm đoạt tài sản của anh L1. Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 22/11/2024, tại quán N1 ở đường H, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, Tạ Văn Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, nói dối anh L1 cho mượn xe mô tô để đi đón người khác. Anh L1 tin lời Đ nói là thật nên đưa xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ đen, biển số 97AL- 008.21, trị giá 32.000.000 đồng của anh L1 cho Đ mượn. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô của anh L1 về nhà cất giấu, khi nào cần tiền thì đem bán, đồng thời chặn mọi thông tin liên lạc với anh L1.

Hành vi nêu trên của bị cáo Tạ Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Vì vậy, Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 21/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Tạ Văn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp lại tài sản trả lại cho bị hại và ra đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên cần có hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; quá trình sinh sống, học tập, lao động tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của địa phương; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Đề nghị

áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với chính sách khoan hồng của Nhà nước được quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo nên cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo Đ không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã V đã thu hồi được tài sản trả lại cho bị hại. Bị hại anh Hoàng Văn L1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với bà Tống Thị L là chủ sử dụng số sim điện thoại 0386352587. Quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa xác định Đ đã sử dụng số sim điện thoại 0386352587 của bà L để đăng nhập tài khoản zalo có tên "Hiệp Babe" và sử dụng tài khoản zalo này nhắn tin với anh Hoàng Văn L1 qua zalo thực hiện hành vi phạm tội. Việc này Đ tự thực hiện, không có sự bàn bạc với bà L. Bà L là người ở cùng nhà với Đ, không biết việc Đ sử dụng số sim điện thoại của mình vào việc phạm tội nên không vi phạm pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu Iphone 6Splus màu vàng gold số imei 355733074278489 trong lắp sim số 0913.800.376 do Tạ Văn Đ giao nộp là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax màu hồng imei 357263099110606 trong lắp sim số 0792.982.096: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xác định chiếc điện thoại này là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Tạ Văn Đ, đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Tạ Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ 01 năm 03 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tạ Văn Đ cho UBND xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Splus màu vàng gold số imei 355733074278489 trong lắp sim số 0913.800.376

- Trả lại bị cáo Tạ Văn Đ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax màu hồng imei 357263099110606 trong lắp sim số 0792.982.096 nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/01/2025 giữa Công an thị xã V và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Tạ Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Việt Yên;
- Chị cục THADS thị xã Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Linh Chi